TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2017
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lân- Cán bộ UBND phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn - Cán bộ UBND phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Dương Phước An- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 394/2016/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2016; về việc: "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07 /2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/QĐ-DS ngày 01/4/2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 4/29 đường N, tổ X, KV Y, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; (có mặt).

2. Bị đơn: anh Lê C; sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Số 03/11/128 đường K, Phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân thành phố Huế, chị Nguyễn Thị Thanh A (nguyên đơn) trình bày:

Chị A và anh C tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 1997. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số nhà 4/29 đường N, tổ X, KV Y, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 24/10/2002 chị A và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường A), thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, nghiện rượu, nhiều lần đánh đập vợ, con. Từ năm 2007 vợ chồng đã không chung sống với nhau, anh C về ở tại nhà bố mẹ của anh tại số 03/11/128 đường K, Phường A, thành phố Huế. Hiện nay, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

* Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có 04 con chung:

1. Lê Thị Ngọc U; sinh ngày: 05/8/1997.

2. Lê Thị Ngọc Q; sinh ngày: 24/4/2000.

3. Lê Thị Ngọc Y; sinh ngày: 05/12/2002

4. Lê Thị Ngọc H; sinh ngày: 12/12/2007

Hiện nay cả 04 cháu đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, cháu U đã trưởng thành nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Q, Y, H đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Chị A khai không có.

Về phía bị đơn: Anh Lê C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các cháu Lê Thị Ngọc Q, Lê Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc H có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn, giao các cháu Q, Y, H cho chị A nuôi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị A không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, về nợ chung theo chị A khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

1. **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê C đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng anh C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

2. Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân:

Chị A và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 24/10/2002. Nên Hôn nhân của chị A và anh C là hợp pháp.

Theo trình bày của chị A vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, nghiện rượu, nhiều lần đánh đập vợ, con. Từ năm 2007 vợ chồng đã không chung sống với nhau, anh C về ở tại nhà bố mẹ của anh tại số 03/11/128 đường K, Phường A, thành phố Huế.

Theo kết quả xác minh tại UBND phường A thì trong quá trình vợ chồng chị A, anh C chung sống với nhau tại số 2/49 đường N, phường A anh C thường hay đánh đập vợ, con; vợ chồng hay gây gỗ, cải nhau.

Tại phiên toà, chị A đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn vì hiện nay vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị A, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét chị A xin ly hôn là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có 04 con chung:

1. Lê Thị Ngọc U; sinh ngày: 05/8/1997.
2. Lê Thị Ngọc Q; sinh ngày: 24/4/2000.
3. Lê Thị Ngọc Y; sinh ngày: 05/12/2002
4. Lê Thị Ngọc H; sinh ngày: 12/12/2007

Hiện nay cả 04 cháu đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện nay cháu U đã trưởng thành, chị A xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Q, Y, H đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị A là có căn cứ, nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu nên không xét.

* Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết nên không xét.

* Về nợ chung: Chị A khai không có.

* Về án phí sơ thẩm: Chị A phải nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh A.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh A được ly hôn anh Lê C.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Ngọc Q, Lê Thị Ngọc Y, Lê Thị Ngọc H cho chị Nguyễn Thị Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị A khai không có.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải nộp 200.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai thu tiền số 001927 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thái Thị Hồng Vân